**­­ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Text

Description automatically generated with medium confidence

**Nguyễn Lê Quỳnh Hương – 21520255**

IE103.N22.CNCL

**BÀI TẬP:**

**LÝ THUYẾT CHƯƠNG 1**

**Giảng viên : Nguyễn Gia Tuấn Anh**

**Phạm Nhật Duy**

**Hồ Chí Minh, 2023**

**Câu 1. Hãy tổ chức các folder trên máy tính thể hiện tính khoa học với các hoạt động phổ biến của một sinh viên.**

**Câu 2 : Hãy tổ chức các thư nhận và gửi trên gmail đảm bảo tính khoa học với các hoạt động phổ biến của một sinh viên**

**Câu 3 : Cho biết các file quan trọng phổ biến nào mà một sinh viên cần backup.**

* Các file quan trọng phổ biến mà sinh viên cần backup :
  + Bài tập đồ án
  + Thông tin tài khoản
  + Hồ sơ cá nhân
  + Onedrive
  + Google drive

**Câu 4 : Sự khác nhau giữa việc lưu trữ dữ liệu trên CD và USB?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **CD** | **USB** |
| Phân loại | Bộ nhớ quang | Thiết bị nhớ flash |
| Cách thức | Phản quang của laze lên đĩa quang và đầu thu giải mã tín hiệu | Ghi dữ liệu lên chip nhớ flash được gắn vào USB |
| Khả năng lưu trữ | Khá lớn | Lớn trong 1 không gian nhỏ |
| Ưu điểm | Khó lây nhiễm virut | Tiện lợi, tiết kiệm thời gian, có thể ghi và xóa dữ liệu nhiều lần |
| Khuyết điểm | Dễ trầy, gây mất dữ liệu, bất tiện, tốn nhiều thời gian, chỉ được ghi 1 lần, không xóa được dữ liệu | Dễ lây nhiễm virut, dễ hư hỏng vì là đồ điện tử |

**Câu 5 : Khi tạo 1 CSDL trong SQL Server, cho biết hệ thống tối thiểu tạo bao nhiêu file, ý nghĩa mỗi file là gì?**

* Khi tạo một cơ sở dữ liệu trong SQL Sever, hệ thống tối thiểu tạo 2 file, một file data (file .mdf) và một file log(file .ldf).
  + File data dùng để chứa các bảng, chế độ xem, các hàm, các dữ liệu khác,… dùng để thực hiện các thay đổi trên đối tượng
  + File log dùng để thực hiện các thay đổi trên cơ sở dữ liệu các thao tác thêm, sửa và xóa sẽ được thực hiện trên tập tin này.

**Câu 6 : Hãy thực hiện việc backup và restore 1 CSDL bằng SQL Server bằng 2 cách:**

**Full Backup**

**Different Backup**

* Backup :
  + Full Backup :
    - Bước 1 : Chọn cơ sở dữ liệu cần backup
    - Bước 2 : Dùng **“ BACKUP DATABASE TênCSDL TO DISK = ‘Đường liên kết đến nơi mình muốn backup + .bak’**
      * Ví dụ : BACKUP DATABASE QLBH TO DISK = ‘D:\CSDL\TH.bak’.
    - Bước 3 : Bôi đen, bấm Execute, quan sát phần Massages có dòng chữ “BACKUP DATA SUCCESSFULLY” thì đã backup thành công.
  + Different Backup :
    - Bước 1 : Chọn cơ sở dữ liệu cần backup
    - Bước 2 : Dùng **“ BACKUP DATABASE TênCơsởdữliệu TO DISK = ‘Đường liên kết đến nơi mình muốn backup + .bak’ with differential.**
      * Ví dụ : BACKUP DATABASE QLBH TO DISK = ‘D:\CSDL\TH.bak’ with differential.
    - Bước 3 : Bôi đen, bấm Execute, quan sát phần Massages có dòng chữ “BACKUP DATA SUCCESSFULLY” thì đã backup thành công.
  + Restore :
    - Thực hiện các bước như Backup nhưng thay bằng câu lệnh “ **RESTORE DATABASE TênCSDL FROM DISK = ' Đường liên kết đến nơi mình đã backup + .bak’ With NoRecovery.**
      * Ví dụ : RESTORE DATABASE QLBH FROM DISK = ' D:\CSDL\TH.bak’ With NoRecovery
    - Bản chất của việc khôi phục CSDL là sử dụng phần backup full, backup different mà mình đã tạo để khôi phục dữ liệu bị mất.
    - Restore của full backup và different backup có cách sử dụng tương tự nhau.